

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2024
V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.
- Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NGUYỄN THỊ KIM S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông NGUYỄN VĂN C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S có đươn xin vắng mặt; ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân. Ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T 1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 15/10/2001. Thời gian đầu chung sống, ông, bà không mâu

thuần gì. Đến khoảng đầu năm 2024 thường xuyên gây gỗ, bất đồng quan điểm và ông C không chí thú làm ăn, từ đó dần dần vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giữa bà S và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/4/2011. Khi ly hôn, bà S yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Thị Bích T đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông C, tuy nhiên ông C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà S và cũng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn C của bà Nguyễn Thị Kim S. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/4/2011 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 . *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà S yêu cầu ly hôn với ông C và yêu cầu giải quyết về con chung. Ông C có nơi cư trú tại Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 . *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn bà S có đơn xin vắng

mặt, bị đơn ông C vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bà S và ông C.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà S và ông C tự tìm hiểu, quen biết tiến tới hôn nhân. Ông, bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T 1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 15/10/2001. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và tự khai, nguyên đơn bà S trình bày, quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Kể từ đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Dù đã tìm cách giải quyết, nhưng ông, bà cũng không giải quyết được mâu thuẫn và không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án dù đã được giải thích về hậu quả pháp lý của việc ly hôn, bà S vẫn cương quyết ly hôn với ông C.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với các yêu cầu của bà S. Điều này chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn C của bà Nguyễn Thị Kim S.

[4]. *Về con chung*: Quá trình sống chung, bà S và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/4/2011. Khi ly hôn bà S yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Thị Bích T đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai, cháu V có nguyện vọng muốn được sống cùng bà S. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần thiết giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/4/2011 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung là chị Nguyễn Thị Bích T đã thành niên, có gia đình riêng nên không xem xét.

về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà S không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không ai yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị kim S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Bà Son, ông C có quyền kháng cáo bản án theo quy định

tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung giữa bà S và ông C là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con chung là chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2000 đã thành niên và có gia đình riêng nên không xem xét.

2.1. Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn C chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Kim S không có yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số 0003644 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như bà S đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Tân Lập 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thạch Hải Âu